

BỘ Y TẾ**BỘ Y TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2014/TT-BYT

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ điều trị
nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế**

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Điều 1. Định mức kinh tế kỹ thuật của một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế của Nhà nước bao gồm các yếu tố chi phí sau:

1. Chi phí về hóa chất, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế để thực hiện dịch vụ.
2. Chi phí về điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường trực tiếp để thực hiện dịch vụ.
3. Chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ trực tiếp sử dụng để thực hiện các dịch vụ.
4. Chi phí nhân công thuê ngoài (theo hợp đồng lao động).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch Tài chính, Trang thiết bị và Công trình y tế, Pháp chế; Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế để được hướng dẫn, xem xét và giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Long

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
LÀM CƠ SỞ XÂY DỰNG GIÁ DỊCH VỤ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN
CÁC CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG THUỐC THAY THẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2014/TT-BYT ngày 13 tháng 11 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. KHÁM BAN ĐẦU

Tính cho 01 lượt khám

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
I	Hóa chất, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế		
1	Vật tư tiêu hao		
	Găng tay sạch (01 đôi/bệnh nhân)	đôi	1,00000
	Mũ giấy (04 chiếc/ngày/người x 02 người)	chiếc	0,50000
	Khẩu trang (04 chiếc/ngày/người x 02 người)	chiếc	0,50000
	Quần áo bác sỹ, điều dưỡng (03 bộ/năm/người x 02 người)	bộ	0,00142
	Chi phí ga gối (02 bộ/năm)	bộ	0,00047
	Đệm (01bộ/năm)	bộ	0,00024
	Huyết áp (02 cái/năm)	cái	0,00047
	Nhiệt kế (01cái/01tuần)	cái	0,01250
	Ống nghe (02 cái/năm)	cái	0,00047
	Đè lưỡi gỗ (01 bệnh nhân khám đè lưỡi/04 bệnh nhân khám)	cái	0,25000
	Cân đo sức khỏe chiều cao (01cái/năm)	cái	0,00024
	Đèn soi đồng tử (04 cái/năm)	cái	0,00095
2	Dung môi hóa chất		
	Javen	ml	2,840909
	Cồn 70 độ	ml	2,840909
	Nước rửa tay	ml	0,23674
3	Bông băng		
	Băng dính lụa 2.5 x 9.1	cuộn	0,00010
	Bông tiêm 2 x 2	gr	0,06500
	Bông hút nước 2 x 2,VT, 50gr	gr	0,03400
	Gạc 6 x 10	miếng	0,01300
	Băng dính nhỏ 2.5 x 5	miếng	0,00600
	Kim tiêm nhựa	cái	0,20000
4	Văn phòng phẩm		
	Giấy in A4	tờ	10,0000

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
	Bút bi	cái	0,62500
	Ghim dập 24 x 6	hộp	0,00006
	Ghim dập bé	hộp	0,00150
	Ghim vòng	hộp	0,00012
	Máy dập ghim nhỏ	cái	0,00012
	Mực dầu đỏ	hộp	0,00012
	Mực in (04 lần/năm)	lần đổ	0,00095
	Cartridge mực (02 cái/năm)	cái	0,00047
	Sổ bì cứng mở ngang (06 quyển/năm)	quyển	0,00142
	Giấy than ngoại	tờ	0,00100
	Kẹp file lưu giữ bệnh án (01cái/bệnh nhân/01năm)	cái	0,00024
	Thẻ bệnh nhân (04 cái/bệnh nhân/năm)	cái	0,00095
5	Ấn chỉ chuyên môn		
	Bệnh án (bìa, ruột, bệnh lịch) (02 quyển/bệnh nhân/năm)	quyển	0,00047
II	Điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường		
1	Điện (tiêu hao điện cho buồng khám 10m ² và các trang thiết bị điện kèm theo)	kw	0,750
2	Nước sạch: 40 m ³ /tháng/buồng khám	m ³	0,11364
3	Xử lý rác thải: 03 kg/ngày	Kg	0,1875
III	Duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị, mua công cụ, dụng cụ (Phân bổ giá trị tài sản trong 05 năm chia bình quân 16 lượt khám/ngày)		
1	Bàn, ghế, tủ, giường		
	Bàn, ghế (02 bộ)	bộ	2
	Ghế bệnh nhân (02 chiếc)	chiếc	2
	Ghế chờ bệnh nhân ở ngoài	chiếc	4
	Tủ dụng cụ, thuốc, quần áo	Cái	1
	Giường i nóc	Cái	1
	Quạt treo tường	Cái	2
	Quạt thông gió	Cái	1
2	Các trang thiết bị, các bộ dụng khám đa khoa, chuyên khoa		
	Bộ trang thiết bị cấp cứu	bộ	1
	Máy tính, máy in	bộ	1
	Cáng cứu thương và xe đẩy	Cái	1

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
3	Bảo dưỡng các tài sản khác (Bình quân 1,5 triệu đồng/phòng/năm chia bình quân 16 lượt khám/ngày)		
4	Sơn, duy tu, bảo dưỡng phòng khám (02 năm 01 lần, tổng chi phí chia bình quân 16 lượt khám/ngày)		
IV	Chi phí nhân công thuê ngoài (Định mức nhân công thuê ngoài tối đa theo lương, ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp trong một tháng/22 ngày làm việc/16 lượt khám/ngày)		
	01 Bác sỹ (gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành) + Lương theo ngạch bậc + Phụ cấp ưu đãi nghề + Các khoản đóng góp theo lương		Bậc 3 0,7
	01 Điều dưỡng viên (gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành) + Lương theo ngạch bậc + Phụ cấp ưu đãi nghề + Các khoản đóng góp theo lương		Bậc 2 0,7

II. KHÁM KHỞI LIỀU ĐIỀU TRỊ

Tính cho 01 lượt khám

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
I	Hóa chất, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế		
1	Vật tư tiêu hao		
	Găng tay sạch (01 đôi/bệnh nhân)	đôi	1,00000
	Mũ giấy (02 chiếc/ngày/người x 02 người)	chiếc	0,11429
	Khẩu trang (02 chiếc/ngày/người x 02 người)	chiếc	0,11429
	Quần áo bác sỹ, điều dưỡng (02 bộ/năm/ người x 02 người)	bộ	0,00043
	Chi phí ga gối (02 bộ/năm)	bộ	0,00022
	Đệm (02 bộ/năm)	bộ	0,00022
	Huyết áp (04 cái/năm)	cái	0,00043
	Nhiệt kế (02 cái/tuần)	cái	0,01143
	Ống nghe (04 cái/năm)	cái	0,00043
	Đề lưỡi gỗ (01 bệnh nhân khám đề lưỡi/05 bệnh nhân khám)	cái	0,20000
	Cốc dùng 01 lần (1,1 cái/bệnh nhân/lần)	cái	1,10000